

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 11 tháng 3 năm 2026

Số: 23/2026/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 178/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N**; địa chỉ: **Số B, đường L, phường G, Thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trương Văn Đ** - Giám đốc **Ngân hàng N Chi nhánh B** (theo Quyết định uỷ quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022)

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Khắc Ngọc T** - Trưởng phòng khách hàng Cá nhân **Ngân hàng N Chi nhánh B** (theo Giấy uỷ quyền số: 1854/GUQ-NHNo.BQB-TH ngày 18/8/2025)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984 và bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1987; địa chỉ: **thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ thanh toán: Các bên đương sự thống nhất, theo Hợp đồng tín dụng số: 6701/HĐTD ngày 09/12/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 6701/HĐSĐBS ngày 22/8/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số:

6701/2018/HĐSĐBS-TD ngày 05/12/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số: 6701/2019/HĐSĐBS-TD ngày 05/6/2019. Tính đến ngày 02/3/2026, ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T1 còn nợ Ngân hàng N số tiền 9.510.183.918 đồng (*Chín tỷ năm trăm mười triệu một trăm tám mươi ba nghìn chín trăm mười tám đồng*), trong đó: nợ gốc 5.960.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.926.664.166 đồng và nợ lãi quá hạn 623.359.752 đồng).

- Về lộ trình trả nợ: Chậm nhất ngày 31/3/2026, ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền 9.510.183.918 đồng (trong đó: nợ gốc 5.960.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.926.664.166 đồng và nợ lãi quá hạn 623.359.752 đồng). Kể từ ngày 03/3/2026 trở đi cho đến khi thi hành xong các khoản nợ, ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6701/HĐTD ngày 09/12/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 6701/HĐSĐBS ngày 22/8/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số: 6701/2018/HĐSĐBS-TD ngày 05/12/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số: 6701/2019/HĐSĐBS-TD ngày 05/6/2019.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T1 không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng như cam kết (ngày 31/3/2026), thì ông H và bà T1 phải trực vớt tàu cá số: 60193; số đăng ký QB 92689 TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 21/6/2016 giao cho Ngân hàng N được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc tàu cá vỏ gỗ, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 60193; số đăng ký QB 92689 TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 21/6/2016; số máy 37111, công suất 713, năm đóng tàu 2016 mang tên ông Nguyễn Văn H theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 6701/HĐTC ngày 01/12/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 6701/HĐTC-SĐBS ngày 22/8/2016 mà ông H và bà T1 đã ký kết với Ngân hàng N.

- Về án phí vụ kiện: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T1 thỏa thuận nộp 58.755.000 đồng (*Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Ngân hàng N số tiền 58.315.000 đồng (*Năm mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng N đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001736 ngày 13/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Phương